

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/DS-ST  
Ngày 25 - 4 - 2024  
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng  
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thành Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Văn Dài;
- Ông Nguyễn Hoàng Minh.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 26 tháng 3 và ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 10 năm 2023, về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Hộ kinh doanh Tuyết Lam;  
Người đại diện theo pháp luật: ông **Phan Hiền N**: 1981;  
Địa chỉ: Số H, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp  
Người đại diện theo ủy quyền cho ông **Phan Hiền Nông Đặng Chí H**: 1981;  
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).
- Bị đơn:* Bà Lê Thị D (vắng mặt tại phiên tòa);  
Địa chỉ: ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản mở phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, do ông **Đặng Chí H** theo ủy quyền trình bày:* Hộ kinh doanh T có kinh doanh Cửa bán vật tư nông nghiệp tại **ấp T, xã T** 2016 có thỏa thuận bán phân bón và thuốc trừ sâu các loại cho bà **Lê Thị D** nông nghiệp thỏa thuận đến mùa thu hoạch bà D gốc và lãi, theo thỏa thuận lãi suất 0,83% tháng trên số tiền gốc mua vật tư.

Tính đến ngày 09/3/2016 bà D tổng cộng 41.690.000đ (Bốn mươi một triệu

sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và hai bên có lập “Tờ công nhận nợ, ngày 09/3/2016” bà Lê Thị D2 ghi họ tên làm bằng. Sau đó, bà D5 thanh toán được 04 lần tiền, mỗi lần 5.000.000đ (Năm triệu đồng) vào thời gian như sau:

- Ngày 10/8/2016 trả: 5.000.000đ;
- Ngày 09/3/2017 trả: 5.000.000đ;
- Ngày 11/8/2018 trả: 5.000.000đ;
- Ngày 11/3/2020 trả: 5.000.000đ;

Tổng cộng bà D2 được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), còn thiếu lại 21.690.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) bà D6 hẹn rất nhiều lần mà đến nay không trả.

Do đó, nay Hộ kinh doanh T Lyêu cầu bà Lê Thị D3 tiền mua vật tư nông nghiệp, còn thiếu tổng cộng (gốc) là 21.690.000đ và khoản tiền lãi 0,83% tháng, từ ngày 11/3/2020 đến ngày 29/9/2023 thời gian chịu lãi là (03 năm, 06 tháng) tính tròn tháng (thống nhất giảm bớt cho bà D8 ngày lễ) như sau:  $21.690.000đ \times 0,83\% \text{ tháng} \times 42 \text{ tháng} = 7.561.000đ$  tính tròn số.

Vậy tổng cộng số tiền gốc và lãi bà D9 trả là:  $21.690.000đ + 7.561.000đ = 29.251.000đ$  (Hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) và yêu cầu bà D10 lãi theo quy định pháp luật, kể từ ngày án có hiệu lực thi hành đến ngày thi hành xong số nợ gốc và lãi theo quy định.

- Bị đơn bà Lê Thị D: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định gồm Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải lần 2; Thông báo về kết quả phiên họp và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng đến nay bà D vẫn cố tình vắng mặt (không có lý do), không đến Tòa án để tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa ông Phan H2 N1 và Lê Thị D làm phát sinh quan hệ “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản*” được quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật, về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đối với bà Lê Thị D, nhưng bà D vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời khai nhận của đương sự có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của đương sự, có đủ cơ sở xác định:

Việc ông Phan H2 N2 kiện yêu cầu bà Lê Thị D4 vụ trả cho ông số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu gốc và lãi là 29.251.000đ (Hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Bởi vì, trong thời gian bà Lê Thị D5 bón và thuốc trừ sâu để phục vụ sản xuất nông nghiệp tại Cửa hàng V thống nhất số tiền thiếu ông N1 trực tiếp ký tên xác nhận công nợ giữa hai bên rồi giao cho ông N3 giữ “Tờ công nhận nợ, ngày 09/3/2016” làm bằng. Tiếp tục sau đó, bà D6 lần liên tục trả tiền thiếu cho ông N (tính đến lần cuối vào ngày 11/3/2020); riêng đối với số tiền thiếu còn lại 21.690.000đ thì bà D5 hứa hẹn với ông N5 lần nhưng vẫn không trả dứt điểm, làm ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của cửa hàng T1

Do đó, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc bà Lê Thị D4 vụ trả cho ông N6 tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 21.690.000đ (Hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Hợp đồng mua bán tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”.

[4] Về lãi suất: Hiện nay ông N7 cầu Tòa án giải quyết tính lãi đối với bà D13 thỏa thuận mức lãi suất là 0,83% tháng (tương ứng mức lãi suất 9,96%/năm) là phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp.

Về thời gian tính lãi, ông N7 cầu tính lãi từ ngày bà D7 tiền thiếu (lần cuối) vào ngày 11/3/2020 đến ngày ông làm đơn khởi kiện là ngày 29/9/2023 với tổng thời gian lãi tương ứng 42 tháng (tính tròn tháng) mà không có yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử là hoàn toàn có lợi cho phía bà D14 phù hợp theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy, số tiền lãi mà bà D9 trả cho ông N8 tính như sau:  $21.690.000đ \times 0,83\% \text{ tháng} \times 42 \text{ tháng} = 7.561.000đ$  (Bảy triệu năm sáu mươi một nghìn đồng) tính tròn số.

Từ phân tích và nhận định trên, có đủ cơ sở buộc cá nhân bà Lê Thị D4 vụ trả cho H1 kinh doanh T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Phan H2 N9) số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu gốc và lãi là  $21.690.000đ + 7.561.000đ = 29.251.000đ$  (Hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) là phù hợp.

[5] Đối với việc vắng mặt của bà D; suốt trong quá trình tiến hành tố tụng thu thập tài liệu, chứng cứ Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà D15 văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án dân sự; Thông báo về phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải lần 2; Thông báo về kết quả phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng bà D16 cố tình vắng mặt, không đến Tòa án tham gia tố tụng để trình bày ý kiến cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định, có

tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, không hợp tác và tỏ thái độ xem thường pháp luật.

Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D là phù hợp theo quy định pháp luật.

[6] Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình không có tham gia phiên tòa, vì trong quá trình tiến hành tố tụng đương sự tự giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết theo quy định, nên Tòa án chưa tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình không có tham gia phiên tòa đối với vụ án, là phù hợp theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định;

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 430, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của H1kinh doanh Tuyết Lam (người đại diện theo pháp luật là ông Phan H2 N10 với bà Lê Thị D

Buộc bà Lê Thị D có nghĩa vụ trả cho H1kinh doanh T L số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu tổng cộng gốc và lãi là 29.251.000đ (Hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực thi hành, H1kinh doanh T1 có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Lê Thị D7 thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng bà D còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

#### 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị D8 án phí dân sự sơ thẩm là 1.462.000đ (Một triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tính tròn số.

- Hộ kinh doanh Tuyết L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được nhận lại số tiền nộp tạm ứng án phí là 542.000đ (Năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo biên lai: BG-2023, số 0000340 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng bà Lê Thị D9 kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được (bản sao) bản án hoặc kể từ ngày Tòa niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân*

*sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP-TA và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thành Triều**

